



DANH SÁCH VÀO VÒNG 2 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015
(TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2015)
Sắp xếp theo Quận/huyện-Trường-Tên



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: NINH BÌNH

15-Nov-15

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Đặng Thành	An	12-Dec-03	51800475	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
2	Ngô Quỳnh	Anh	21-Mar-04	51800449	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
3	Cao Ngọc	Anh	19-Sep-03	51800463	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
4	Đinh Thị Phương	Anh	19-May-03	51800464	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
5	Lê Tuyết	Anh	28-May-03	51800468	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
6	Trịnh Thị Lan	Anh	07-Oct-03	51800472	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
7	Phạm Thị Huyền	Anh	02-Mar-03	51800488	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
8	Trần Thị Phương	Anh	13-Apr-03	51800491	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
9	Lê Phương	Anh	19-Apr-02	51800495	8	8B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
10	Phạm Tuấn	Anh	15-Oct-02	51800497	8	8B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
11	Lã Thị Phương	Anh	10-Feb-02	51800501	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
12	Phạm Thị Lan	Anh	01-Jan-01	51800535	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
13	Bùi Trịnh Nam	Bình	13-Sep-04	51800446	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
14	Phan Thái	Bình	02-Jan-01	51800536	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
15	Phạm Tuấn	Đạt	14-Jun-04	51800458	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
16	Trịnh Vũ Tuấn	Đạt	03-Apr-03	51800492	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
17	Dương Đăng Hồng	Diệp	30-Apr-01	51800527	9	9B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
18	Hà Hữu	Đoàn	26-Mar-01	51800528	9	9B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
19	Lê Minh	Đức	27-Dec-04	51800456	6	6C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
20	Đình Quang	Đức	11-Nov-03	51800476	7	7D	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
21	Bùi Linh	Dung	13-Feb-02	51800498	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
22	Ngô Thị Thùy	Dung	27-Aug-02	51800503	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
23	Nguyễn Thị Thùy	Dung	31-Jul-02	51800515	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
24	Phạm Tùng	Dương	08-Oct-03	51800489	7	7D	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
25	Nguyễn Hương	Giang	10-Nov-02	51800506	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
26	Nguyễn Thị Việt	Hà	03-May-01	51800543	9	9C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
27	Đình Thị Thanh	Hằng	31-Jul-03	51800465	7	7A	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
28	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16-Sep-02	51800512	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
29	Lê Minh	Hạnh	16-Dec-02	51800494	8	8B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
30	Phạm Minh	Hiếu	4-May-01	51800544	9	9C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
31	Lê An	Hòa	29-Jun-04	51800455	6	6C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
32	Nguyễn Công	Hoàn	13-May-02	51800496	8	8B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
33	Nguyễn Việt	Hoàng	01-Jun-04	51800452	6	6B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
34	Phạm Việt	Hoàng	23-Oct-03	51800470	7	7A	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
35	Hoàng Lâm	Hùng	8-Oct-04	51800448	6	6B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
36	Đình Đức	Hùng	10-Sep-01	51800525	9	9B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
37	Trần Bảo	Huy	05-Feb-04	51800453	6	6B	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
38	Nguyễn Đức	Huy	03-Oct-02	51800504	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
39	Lê Trần Khánh	Huyền	23-Mar-03	51800481	7	7D	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư
40	Giangthị Ngọc	Huyền	04-Jan-02	51800499	8	8C	THCS Đình Tiên Hoàng	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
41	Hoàng Thị Xuân	Huyền	22-Mar-02	51800500	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
42	Nguyễn Khánh	Huyền	29-Apr-02	51800508	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
43	Trần Quang	Khải	18-Jan-04	51800454	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
44	Nguyễn Ngọc	Khánh	05-Dec-01	51800542	9	9C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
45	Trần Đức	Kiên	12-Apr-03	51800490	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
46	Trần Thị Ngọc	Lan	29-Sep-02	51800521	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
47	Vũ Xuân	Lan	22-Jan-01	51800541	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
48	Phạm Thị Kim	Liên	13-Jul-01	51800534	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
49	Đinh Thị Khánh	Linh	25-Jul-04	51800447	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
50	Bùi Trần Diệu	Linh	28-Sep-03	51800462	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
51	Phạm Thị Mỹ	Linh	07-Mar-03	51800474	7	7C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
52	Dương Thị Thùy	Linh	27-Nov-03	51800478	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
53	Nguyễn Dương Thùy	Linh	26-May-03	51800483	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
54	Nguyễn Thị Diệu	Linh	22-Oct-03	51800486	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
55	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11-Nov-02	51800514	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
56	Trịnh Thùy	Linh	04-Feb-02	51800522	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
57	Nguyễn Dương Diệu	Linh	24-Mar-01	51800529	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
58	Trần Phước	Lộc	22-Mar-04	51800460	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
59	Phạm Thành	Long	02-Apr-02	51800517	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
60	Vũ Hoàng	Long	01-Jan-01	51800539	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
61	Phạm Ngọc Thanh	Mai	20-Oct-04	51800444	6	6A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
62	Đinh Thị Xuân	Mai	08-Nov-03	51800466	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
63	Phạm Thị Ngọc	Mai	11-Feb-03	51800469	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
64	Đinh Thị Thanh	Mai	04-Jan-03	51800477	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
65	Phạm Thị Thu	Mừng	22-Feb-02	51800519	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
66	Lê Trà	My	14-Jun-02	51800502	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
67	Đỗ Hà	My	26-Nov-01	51800526	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
68	Nguyễn Thành	Nam	06-Sep-04	51800451	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
69	Nguyễn Tử Nguyệt	Nga	20-Nov-01	51800530	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
70	Nguyễn Hoàng	Ngân	26-Feb-04	51800443	6	6A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
71	Trịnh Thị	Ngân	22-Nov-03	51800471	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
72	Trần Thị Minh	Ngọc	23-Feb-04	51800461	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
73	Lê Thị Bảo	Ngọc	02-Apr-03	51800480	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
74	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22-May-02	51800511	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
75	Phạm Bảo	Ngọc	29-Jun-01	51800531	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
76	Trịnh Công	Nguyên	12-May-01	51800537	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
77	Vũ Minh Hải	Nguyệt	12-Aug-02	51800523	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
78	Nguyễn Huyền	Nhung	28-Oct-02	51800507	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
79	Phạm Thị Hồng	Nhung	20-Dec-02	51800518	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
80	Phạm Hồng	Nhung	15-Aug-01	51800532	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
81	Nguyễn Hải	Phương	06-Mar-02	51800505	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
82	Nguyễn Thị Thu	Phương	15-Jun-02	51800513	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
83	Phạm Anh	Quân	27-May-02	51800493	8	8A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
84	Vũ Mạnh	Quyên	07-Feb-01	51800540	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
85	Đinh Xuân	Sơn	02-Jan-03	51800467	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
86	Nguyễn Xuân	Sơn	16-Dec-02	51800516	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
87	Phạm Quỳnh	Thơ	26-Mar-03	51800487	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
88	Nguyễn Minh	Thư	29-Oct-03	51800484	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
89	Bùi Thị Diệu	Thúy	10-Sep-01	51800524	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
90	Lê Thị Quỳnh	Trang	8-Apr-04	51800457	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
91	Nguyễn Phạm Kiều	Trang	08-Aug-02	51800510	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
92	TRịnh Xuân	Trường	16-Feb-01	51800538	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
93	Nguyễn Minh	Tú	26-Mar-02	51800509	8	8C	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
94	Nguyễn Thanh	Tùng	14-Jul-04	51800450	6	6B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
95	Phạm Sơn	Tùng	02-Sep-01	51800533	9	9B	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
96	Lê Thành	Vinh	23-Nov-03	51800479	7	7D	THCS Đinh Tiên Hoàng	Hoa Lư
97	Đỗ Minh	Anh	09-Dec-03	51800575	7	7B	THCS Ninh An	Hoa Lư
98	Đinh Văn	Biên	08-Oct-03	51800574	7	7B	THCS Ninh An	Hoa Lư
99	Trần Tất	Đạt	26-Aug-03	51800576	7	7B	THCS Ninh An	Hoa Lư
100	Phạm Hoàng	Diệu	28-Feb-01	51800583	9	9A	THCS Ninh An	Hoa Lư
101	Trần Quang	Huy	28-Aug-04	51800570	6	6B	THCS Ninh An	Hoa Lư
102	Hoàng Đình	Huy	05-Jul-02	51800577	8	8A	THCS Ninh An	Hoa Lư
103	Hoàng Thị Diệu	Linh	14-Jun-04	51800566	6	6A	THCS Ninh An	Hoa Lư
104	Phạm Ngọc	Minh	21-Jul-04	51800569	6	6B	THCS Ninh An	Hoa Lư
105	Nguyễn Hương	Nga	15-Feb-04	51800567	6	6B	THCS Ninh An	Hoa Lư
106	Đinh Nguyễn Minh	Ngọc	14-Nov-01	51800582	9	9A	THCS Ninh An	Hoa Lư
107	Đào Thị	Phượng	04-Jul-03	51800572	7	7A	THCS Ninh An	Hoa Lư
108	Vũ Diễm	Quỳnh	22-Nov-01	51800585	9	9B	THCS Ninh An	Hoa Lư
109	Bùi Thị Phương	Thảo	25-Mar-01	51800584	9	9B	THCS Ninh An	Hoa Lư
110	Vũ Thị Thùy	Trang	27-Feb-02	51800578	8	8A	THCS Ninh An	Hoa Lư
111	Đào Thị Minh	Trang	09-Oct-01	51800581	9	9A	THCS Ninh An	Hoa Lư
112	Đào Thị Yến	Vân	23-Feb-02	51800579	8	8B	THCS Ninh An	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
113	Bùi Tiến	Anh	10-May-03	51800593	7	7A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
114	Tổng Mai	Anh	18-Sep-01	51800605	9	9A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
115	Đình Nguyễn Phương	Anh	23-Nov-01	51800614	9	9C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
116	Nguyễn Xuân	Đông	15-Sep-01	51800613	9	9C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
117	Vũ Thị Vân	Dung	04-May-01	51800612	9	9B	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
118	Vũ Thị Thùy	Dương	17-Nov-04	51800586	6	6A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
119	Bùi Ý	Hạnh	05-Dec-03	51800594	7	7A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
120	Bùi Thị Thu	Hiền	30-Oct-01	51800610	9	9B	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
121	Bùi Thị Thu	Huệ	10-Jan-04	51800590	6	6C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
122	Bùi Khánh	Linh	18-May-03	51800592	7	7A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
123	Đình Thị Ngọc	Linh	5-Oct-02	51800601	8	8C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
124	Lâm Mai	Linh	09-Aug-01	51800615	9	9C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
125	Vũ Hương	Ly	21-May-04	51800588	6	6B	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
126	Vũ Khánh	Ly	26-Jun-04	51800589	6	6B	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
127	Trần Thị Cẩm	Ly	23-Mar-01	51800606	9	9A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
128	Vũ Ngọc	Minh	11-Jan-01	51800607	9	9A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
129	Vũ Thị Kim	Ngân	21-Aug-02	51800600	8	8A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
130	Đình Thị Phương	Nhâm	24-Jul-02	51800598	8	8A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
131	Bùi Quốc	Nhật	17-Jan-01	51800609	9	9B	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
132	Vũ Thị Hồng	Nhung	15-Oct-01	51800608	9	9A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
133	Nguyễn Hoàng Anh	Thái	12-Oct-02	51800602	8	8C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
134	Đình thị Phương	Thanh	3-Jun-01	51800604	9	9A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
135	Vũ Thị Minh	Thúy	03-Mar-03	51800597	7	7C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
136	Tổng Thị Thu	Trang	22-Oct-02	51800603	8	8C	THCS Ninh Giang	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
137	Đình Quang	Vinh	08-Sep-03	51800595	7	7A	THCS Ninh Giang	Hoa Lư
138	Đình Thị Ngọc	Anh	04-Jul-04	51800545	6	6B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
139	Chu Thi Lan	Anh	01-Sep-02	51800560	8	8A	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
140	Vũ Ngọc	Anh	13-Aug-01	51800563	9	9A	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
141	Vũ Tiến	Đạt	30-Aug-04	51800551	6	6B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
142	Lê Vân	Dung	15-Aug-03	51800559	7	7C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
143	Chu Thị Thu	Giang	22-Sep-03	51800556	7	7B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
144	Đỗ Thị Thu	Hà	21-Jan-01	51800562	9	9A	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
145	Lê Thu	Hà	11-Nov-01	51800565	9	9B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
146	Nguyễn Việt	Hoàng	18-Oct-04	51800550	6	6B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
147	Vũ Ngọc	Khánh	02-Sep-04	51800554	6	6C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
148	Đỗ Thuỳ	Linh	26-Oct-04	51800547	6	6B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
149	Lê Ngọc	Linh	21-Nov-04	51800552	6	6C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
150	Vũ Thị Lưu	Lý	27-Jul-02	51800561	8	8C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
151	Chu Tiến	Minh	16-Jan-03	51800558	7	7C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
152	Đỗ Thành	Nam	05-Sep-01	51800564	9	9B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
153	Đình Xuân	Thành	25-Jul-04	51800546	6	6B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
154	Nguyễn Quốc	Việt	17-Jan-04	51800553	6	6C	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
155	Đình Ngọc	Vũ	07-Dec-03	51800557	7	7B	THCS Ninh Hải	Hoa Lư
156	Hoàng Vũ Bảo	Anh	29-Aug-04	51800618	6	6A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
157	Tổng Hồng	Công	12-Feb-04	51800621	6	6A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
158	Trịnh Trung	Hiếu	19-Nov-03	51800625	7	7A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
159	Phạm Thị Mỹ	Hương	04-Feb-01	51800636	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
160	Đoàn Khánh	Linh	26-Apr-03	51800622	7	7A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
161	Lê Thị Ngọc	Linh	25-Oct-03	51800623	7	7A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
162	Vũ Thị Thu	Ngân	1-Oct-03	51800626	7	7A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
163	Hoàng Thị Thu	Phương	18-Apr-01	51800633	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
164	Nguyễn Thị Thu	Phương	29-Aug-01	51800635	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
165	Nguyễn Hồng	Quân	29-Jul-04	51800620	6	6A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
166	Phạm Thị Thanh	Thảo	25-Mar-03	51800624	7	7A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
167	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05-Mar-01	51800634	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
168	Đỗ Thị	Thúy	27-Aug-01	51800632	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
169	Nguyễn Thị	Trang	20-Nov-02	51800628	8	8A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
170	Bùi Thu	Trang	17-Jul-01	51800630	9	9B	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
171	Nguyễn Hồng	Tươi	16-Sep-04	51800619	6	6A	THCS Ninh Hòa	Hoa Lư
172	Nguyễn Phương	Anh	29-Oct-03	51800641	7	7B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
173	Trần Thị Kiều	Anh	06-Feb-03	51800643	7	7B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
174	Bùi Quốc	Anh	09-Aug-01	51800650	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
175	Lê Hảo	Anh	09-Sep-01	51800654	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
176	Phạm Ngọc	Ánh	15-Sep-02	51800646	8	8B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
177	Tạ Thị Thái	Bảo	06-Jan-01	51800656	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
178	Hoàng Anh	Dũng	16-Sep-01	51800653	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
179	Đinh Thị	Hạnh	11-Aug-01	51800651	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
180	Trần Việt	Hoàng	02-Feb-04	51800639	6	6A	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
181	Đinh Thị	Huế	08-Feb-01	51800648	9	9B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
182	Đinh Vạn Việt	Hùng	26-May-02	51800645	8	8B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
183	Đinh Thị Thanh	Huyền	08-Jul-03	51800640	7	7A	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
184	Nguyễn Khánh	Linh	07-Apr-04	51800637	6	6A	THCS Ninh Khang	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
185	Trần Thị Phương	Linh	22-Feb-04	51800638	6	6A	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
186	Vũ Phúc	Nguyên	09-Oct-02	51800647	8	8B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
187	Đình Đức	Thắng	13-Feb-02	51800644	8	8B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
188	Phạm Phong	Thu	18-Aug-03	51800642	7	7B	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
189	Đỗ Thị	Thủy	11-Jan-01	51800652	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
190	Phạm Thị Hải	Vân	08-May-01	51800655	9	9C	THCS Ninh Khang	Hoa Lư
191	Trịnh Thị Kiều	Anh	07-Nov-02	51800671	8	8A	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
192	Hoàng Quốc	Cường	01-Apr-04	51800659	6	6B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
193	Lê Minh	Đức	24-Aug-02	51800669	8	8A	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
194	Trần Anh	Dũng	15-Aug-03	51800666	7	7B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
195	Lê Quý	Dương	28-Nov-01	51800673	9	9B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
196	Phạm Tuấn	Duy	09-Jun-03	51800665	7	7B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
197	Nguyễn Hoàng	Giang	10-Feb-02	51800670	8	8A	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
198	Phạm Khánh	Huyền	17-Aug-03	51800662	7	7B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
199	Đặng Diệu	Linh	24-Jan-02	51800667	8	8A	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
200	Huỳnh Thị Thảo	Ly	12-Oct-04	51800660	6	6B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
201	Đỗ Hồng	Quân	07-Aug-01	51800672	9	9B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
202	Phạm Thị Như	Quỳnh	06-Oct-03	51800664	7	7B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
203	Phạm Thái	Thành	23-Dec-03	51800663	7	7B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
204	Đoàn Công	Thành	23-Jan-02	51800668	8	8A	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
205	Nguyễn Thị Vân	Thư	14-Oct-04	51800661	6	6B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
206	Trần Thị Thùy	Trang	09-Jul-01	51800675	9	9B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
207	Phạm Văn	Trường	07-Oct-01	51800674	9	9B	THCS Ninh Mỹ	Hoa Lư
208	Vũ Phương	Anh	01-Mar-02	51800690	8	8B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
209	Lê Thanh	Bình	21-May-04	51800677	6	6A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
210	Đoàn Đăng	Dương	11-Feb-03	51800683	7	7A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
211	Cao Thế	Duy	02-Nov-03	51800681	7	7A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
212	Đình Đức	Duy	31-Jan-02	51800687	8	8A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
213	Vũ Thị Hồng	Hạnh	27-Mar-01	51800693	9	9A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
214	Vũ Thị Như	Hoa	05-Aug-01	51800695	9	9B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
215	Nguyễn Thành	Hưng	13-Mar-01	51800692	9	9A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
216	Hoàng Thị	Lan	22-Jan-04	51800676	6	6A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
217	Vũ Khánh	Linh	03-Jul-03	51800684	7	7A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
218	Bùi Thị Thùy	Linh	02-Mar-01	51800694	9	9B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
219	Trịnh Phương	Nam	19-Sep-04	51800678	6	6A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
220	Đỗ Minh	Phương	31-May-03	51800685	7	7B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
221	Bùi Thị Hồng	Thúy	19-Dec-02	51800686	8	8A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
222	Trịnh Minh	Tuấn	26-Jul-02	51800689	8	8B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
223	Đào Đỗ Duy	Tùng	18-Feb-03	51800682	7	7A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
224	Lê Đình	Tuyên	13-Apr-01	51800691	9	9A	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
225	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	13-Apr-04	51800680	6	6B	THCS Ninh Thắng	Hoa Lư
226	Đỗ Công Tuấn	Anh	22-Mar-02	51800711	8	8C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
227	Lương Thế	Anh	26-Oct-02	51800713	8	8C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
228	Đỗ Thị Kim	Chi	12-Feb-04	51800697	6	6C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
229	Đỗ Mạnh	Hà	24-Jun-03	51800705	7	7B	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
230	Nguyễn Trần Nhật	Hà	21-Nov-03	51800707	7	7D	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
231	Bùi Minh	Ngọc	08-Nov-03	51800701	7	7A	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
232	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	19-Apr-04	51800698	6	6C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
233	Phạm Thị	Nhung	15-Jan-04	51800696	6	6B	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
234	Nguyễn Thu	Phương	20-Nov-03	51800703	7	7A	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
235	Đỗ Thị Thu	Phương	28-Nov-01	51800714	9	9C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
236	Vũ Thị Như	Quỳnh	11-Sep-02	51800710	8	8B	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
237	Đỗ Thị Như	Quỳnh	01-Jun-02	51800712	8	8C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
238	Tạ Đức	Thái	06-May-04	51800699	6	6C	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
239	Lương Quốc	Trọng	04-Oct-03	51800706	7	7D	THCS Ninh Vân	Hoa Lư
240	Phạm Mai	Anh	05-Aug-04	51800720	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
241	Hoàng Văn	Bảo	02-Feb-04	51800718	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
242	Phạm Quang	Đạt	21-Feb-04	51800721	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
243	Nguyễn Thành	Đạt	29-Mar-03	51800727	7	7A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
244	Nguyễn Duy	Đông	06-Jul-03	51800726	7	7A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
245	Nguyễn Thị Thùy	Dung	21-May-03	51800728	7	7A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
246	Lưu Hoàng	Hà	01-Sep-04	51800719	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
247	Lưu Hoàng An	Hải	30-Apr-01	51800733	9	9A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
248	Phạm Thị	Hào	10-Aug-04	51800722	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
249	An Nguyễn Khánh	Huyền	10-Feb-04	51800715	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
250	Phạm Khánh	Linh	06-Oct-03	51800729	7	7A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
251	Hà Thị Hoài	Ngọc	22-Jun-02	51800730	8	8A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
252	Hoàng Yến	Nhi	02-Oct-03	51800725	7	7A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
253	Hà Thị Như	Quỳnh	09-Jan-04	51800716	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
254	Lưu Bá	Quỳnh	24-Aug-02	51800731	8	8A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
255	Hoàng Thị Thuỳ	Trang	22-May-04	51800717	6	6A	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư
256	Hoàng Thị Hà	Vy	10-Feb-01	51800734	9	9B	THCS Ninh Xuân	Hoa Lư

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
257	Nguyễn Mai	Anh	19-Oct-02	51800747	8	8A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
258	Nguyễn Thị	Bích	25-Aug-02	51800748	8	8A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
259	Trần Linh	Chi	01-Sep-04	51800739	6	6A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
260	Dương Minh	Chúc	08-Jun-03	51800740	7	7A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
261	Giang Thị Thu	Hoài	12-Jul-04	51800735	6	6A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
262	Trần Thị Ngọc	Huyền	29-Jun-01	51800753	9	9A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
263	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	13-Sep-03	51800742	7	7A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
264	Vũ Thị Nhật	Linh	04-Dec-02	51800749	8	8A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
265	Nguyễn Thị Khánh	Ly	04-Aug-04	51800738	6	6A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
266	Dương Bảo	Ly	23-Dec-01	51800750	9	9A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
267	Nguyễn Thành	Phát	11-Nov-04	51800737	6	6A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
268	Thẩm Lan	Phương	10-Jan-03	51800743	7	7A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
269	Phạm Thu	Phương	18-Aug-01	51800752	9	9A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
270	Nguyễn Phương	Trang	11-Oct-01	51800751	9	9A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
271	Hoàng Thanh	Trang	06-Jul-01	51800754	9	9B	THCS Trường Yên	Hoa Lư
272	Đặng thị Thanh	Trúc	29-Sep-02	51800745	8	8A	THCS Trường Yên	Hoa Lư
273	Phạm Thị Kim	Anh	30-Aug-03	51800770	7	7A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
274	Nguyễn Minh	Anh	18-Feb-02	51800772	8	8A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
275	Trần Ngọc	Hân	30-Aug-03	51800771	7	7A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
276	Vũ Thị Thanh	Huyền	15-Jul-01	51800774	9	9A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
277	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15-Jul-03	51800768	7	7A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
278	Phạm Thị Thanh	Nga	08-May-01	51800773	9	9A	THCS Ân Hòa	Kim Sơn
279	Trần Thị Hồng	Hạnh	05-Nov-01	51800777	9	9A	THCS Chất Bình	Kim Sơn
280	Phạm Thị Hồng	Ngọc	17-Oct-03	51800776	7	7A	THCS Chất Bình	Kim Sơn

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
281	Bùi Ngọc	Tân	11-Aug-04	51800775	6	6B	THCS Chất Bình	Kim Sơn
282	Trần Thị Vân	Anh	09-May-04	51800782	6	6B	THCS Đông Hải	Kim Sơn
283	Đình Minh	Anh	09-Nov-02	51800789	8	8A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
284	Trần Mai	Anh	05-Mar-01	51800796	9	9A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
285	Vũ Thị	Bích	28-Nov-03	51800788	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
286	Bùi Lương Tuấn	Dũng	22-Oct-03	51800783	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
287	Phạm Thị Thu	Hà	09-Jan-04	51800780	6	6A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
288	Đỗ Thị	Hương	03-Jan-03	51800784	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
289	Phạm Quang	Huy	19-Apr-01	51800793	9	9A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
290	Nguyễn Thị Thu	Nga	29-Nov-04	51800778	6	6A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
291	Phạm Thị Bích	Ngọc	13-Dec-01	51800794	9	9A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
292	Nguyễn Đức	Nguyên	11-Sep-02	51800791	8	8A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
293	Triệu Đình	Quân	12-May-03	51800787	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
294	Nguyễn Minh	Quang	13-Apr-03	51800786	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
295	Phan Văn	Thiên	28-Feb-01	51800795	9	9A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
296	Trần Thị	Thủy	10-Jan-02	51800792	8	8A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
297	Đình Thị Ninh	Trang	17-Mar-02	51800790	8	8A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
298	Nguyễn Thị Hồng	Xuân	11-Oct-03	51800785	7	7A	THCS Đông Hải	Kim Sơn
299	Nguyễn Trần Minh	Anh	26-Mar-03	51800805	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
300	Vũ Thị Vân	Anh	09-Jul-03	51800808	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
301	Dương Ngọc	Ánh	05-Oct-02	51800814	8	8B	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
302	Trần Đại	Dương	05-Mar-03	51800806	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
303	Trần Thị Thanh	Hà	27-Sep-04	51800801	6	6A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
304	Mai Khánh	Hạ	02-Aug-03	51800803	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
305	Phạm Thúy	Hằng	09-May-02	51800810	8	8A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
306	Hoàng Tuấn	Hiệp	09-Mar-04	51800798	6	6A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
307	Lê Thị Mai	Hương	5-Feb-01	51800815	9	9A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
308	Trần Mai	Linh	25-Jun-04	51800799	6	6A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
309	Nguyễn Thủy	Linh	03-Oct-03	51800804	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
310	Trần Thị	Loan	19-Apr-01	51800817	9	9A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
311	Phan Thị Ngọc	Mai	09-Apr-02	51800811	8	8A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
312	Trần Hoàng	Nam	8-Aug-01	51800816	9	9A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
313	Phan Vũ Quỳnh	Phương	23-Mar-02	51800812	8	8A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
314	Hoàng Minh	Sơn	23-Aug-03	51800802	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
315	Nguyễn Thị Hương	Thúy	16-Nov-02	51800809	8	8A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
316	Vũ Thị Quỳnh	Trang	14-Feb-02	51800813	8	8A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
317	Trần Thị Cẩm	Tú	07-Dec-03	51800807	7	7A	THCS Đồng Hướng	Kim Sơn
318	Vũ Thị Phương	Anh	27-Jun-03	51800826	7	7A	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
319	Vũ Thị Linh	Chi	07-Oct-04	51800820	6	6A	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
320	Phan Tuấn	Hưng	30-May-03	51800822	7	7A	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
321	Vũ Ngọc	Kiên	19-Dec-03	51800825	7	7A	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
322	Vũ Minh	Quyết	18-Mar-04	51800821	6	6B	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
323	Trần Huyền	Trang	07-Dec-04	51800819	6	6A	THCS Hùng Tiến	Kim Sơn
324	Trần Ngọc Thế	Anh	25-Nov-03	51800835	7	7A	THCS Kim Trung	Kim Sơn
325	Vũ Thị Minh	Châu	01-Sep-02	51800837	8	8B	THCS Kim Trung	Kim Sơn
326	Nguyễn Quốc	Cường	11-Nov-03	51800832	7	7A	THCS Kim Trung	Kim Sơn
327	Đào Thu	Hòa	06-Oct-04	51800830	6	6C	THCS Kim Trung	Kim Sơn
328	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19-Sep-01	51800838	9	9A	THCS Kim Trung	Kim Sơn

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
329	Nguyễn Vũ Hà	Phương	17-Sep-03	51800833	7	7A	THCS Kim Trung	Kim Sơn
330	Phạm Nguyệt Hà	Phương	05-Jan-02	51800836	8	8B	THCS Kim Trung	Kim Sơn
331	Phạm Tuấn	Quốc	09-Apr-03	51800834	7	7A	THCS Kim Trung	Kim Sơn
332	Đào Phương	Thảo	27-Aug-04	51800829	6	6C	THCS Kim Trung	Kim Sơn
333	Nguyễn Thị Phương	Anh	19-Nov-02	51800844	8	8A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
334	Trần Tuấn	Anh	31-Aug-02	51800846	8	8A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
335	Lê Thị Ngọc	Duyên	25-Sep-01	51800847	9	9A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
336	Phạm Thị	Hiền	15-Aug-01	51800848	9	9A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
337	Hoàng Thị Bích	Loan	21-Jul-02	51800843	8	8A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
338	Trần Anh Nhật	Mỹ	10-Jan-02	51800845	8	8A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
339	Đinh Thị Diễm	Quỳnh	01-Aug-02	51800842	8	8A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
340	Đỗ Thị Huyền	Trang	06-Jan-03	51800839	7	7A	THCS Lai Thành	Kim Sơn
341	Phạm Thị Vân	Anh	19-Feb-01	51800764	9	9A	THCS Như Hoà	Kim Sơn
342	Nguyễn Thị Kim	Cúc	24-Feb-02	51800763	8	8B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
343	Nguyễn Minh	Hiếu	13-Jul-04	51800755	6	6B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
344	Dương Vũ Diệu	Linh	13-Jan-03	51800758	7	7A	THCS Như Hoà	Kim Sơn
345	Phạm Thị Diệu	Linh	25-Apr-03	51800759	7	7A	THCS Như Hoà	Kim Sơn
346	Dương Phương	Linh	19-Aug-02	51800762	8	8B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
347	Trần Hải	Long	23-Mar-04	51800756	6	6B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
348	Trương Ngọc	Minh	08-Jul-03	51800760	7	7A	THCS Như Hoà	Kim Sơn
349	Vũ Thị Thanh	Thủy	01-Jan-01	51800766	9	9B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
350	Trần Thị Kiều	Trinh	08-Mar-01	51800765	9	9B	THCS Như Hoà	Kim Sơn
351	Trần Vũ Ngọc	Anh	14-Nov-01	51800871	9	9D	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
352	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	07-Dec-03	51800857	7	7A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
353	Trần Thị Linh	Chi	14-Sep-01	51800870	9	9D	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
354	Mai Tiến	Đức	23-Nov-04	51800850	6	6A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
355	Đinh Thị Phương	Dung	06-Jan-01	51800868	9	9D	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
356	Phạm Minh	Hằng	16-Nov-02	51800861	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
357	Trần Minh	Hiếu	09-Sep-01	51800869	9	9D	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
358	Phạm Thanh	Huyền	03-May-02	51800862	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
359	Phạm Thị Khánh	Linh	30-Nov-04	51800852	6	6A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
360	Tổng Ái	Linh	14-Mar-03	51800859	7	7A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
361	Phạm Anh	Minh	08-Nov-02	51800860	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
362	Phan Thanh	Ngân	20-May-04	51800853	6	6A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
363	Phan Hữu	Nghĩa	22-Feb-02	51800863	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
364	Nguyễn Yến	Nhi	25-Oct-04	51800851	6	6A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
365	Phan Như	Quỳnh	07-Dec-01	51800867	9	9A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
366	Nguyễn Như	Thảo	10-Sep-03	51800856	7	7A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
367	Phạm Thu	Thủy	18-Sep-03	51800858	7	7A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
368	Trần Thị Huyền	Trâm	14-Oct-02	51800865	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
369	Phạm Minh	Tú	04-Jan-01	51800866	9	9A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
370	Trần Anh	Tuấn	17-Feb-02	51800864	8	8A	THCS Phát Diệm	Kim Sơn
371	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21-Jul-04	51800874	6	6A	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn
372	Vũ Thế	Anh	06-Aug-04	51800877	6	6A	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn
373	Trần Ích	Bách	11-Dec-04	51800876	6	6A	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn
374	Trần Thị Thu	Chi	02-Sep-02	51800884	8	8A	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn
375	Phan Thị Anh	Đào	12-Jul-03	51800881	7	7A	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn
376	Trần Thị Thùy	Dung	30-Aug-01	51800887	9	9B	THCS Thượng Kiệt	Kim Sơn

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
377	Nguyễn Ngọc	Hà	08-Jun-03	51800879	7	7A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
378	Trịnh Thị Ngọc	Hà	03-Sep-02	51800885	8	8A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
379	Phạm Thành	Lâm	20-Mar-02	51800883	8	8A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
380	Phạm Thị Hồng	Liên	25-Oct-03	51800880	7	7A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
381	Hoàng Khánh	Ly	23-Nov-03	51800878	7	7A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
382	Nguyễn Đỗ Bảo	Ngọc	06-Dec-04	51800872	6	6A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
383	Trần Thị Thanh	Phương	01-Mar-01	51800886	9	9B	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
384	Nguyễn Ngọc Nam	Vi	23-Oct-04	51800873	6	6A	THCS Thượng Kiệm	Kim Sơn
385	Trần Nhật Trung	Hiếu	23-Sep-01	51800893	9	9C	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
386	Phạm Thị Khánh	Huyền	28-Nov-03	51800891	7	7A	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
387	Nguyễn Hải	Linh	14-Jan-01	51800892	9	9C	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
388	Nguyễn Yến	Nhi	20-Aug-03	51800890	7	7A	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
389	Lê Thị Hồng	Nhung	01-Mar-03	51800888	7	7A	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
390	Trương Thị Phương	Thanh	13-Dec-01	51800894	9	9C	THCS Yên Lộc	Kim Sơn
391	Khiêm Nguyễn	Nadler	27-Nov-02	51800895	8	8	THCS Cúc Phương	Nho Quan
392	Hà Nhật	Anh	07-May-04	51800899	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
393	Hà Tú	Anh	29-Nov-04	51800900	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
394	Lê Thị Mai	Anh	14-Feb-04	51800901	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
395	Vũ Phương	Anh	28-Oct-04	51800906	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
396	Nguyễn Hoàng	Đạt	04-Aug-01	51800932	9	9A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
397	Đinh Đức Đặng	Định	09-Jan-04	51800897	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
398	Đặng Minh	Đức	26-Oct-03	51800909	7	7A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
399	Ngô Thị Hương	Giang	23-Dec-03	51800923	7	7C	THCS Đồng Phong	Nho Quan
400	Nguyễn Thu	Hằng	14-Feb-03	51800916	7	7A	THCS Đồng Phong	Nho Quan

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
401	Hà Trung	Hiếu	03-Mar-01	51800931	9	9A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
402	Bùi Thị Khánh	Hòa	21-Sep-04	51800896	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
403	Nguyễn Nhật	Huy	23-Oct-04	51800902	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
404	Nguyễn Hoàng	Linh	03-Oct-03	51800922	7	7B	THCS Đồng Phong	Nho Quan
405	Trần Bảo	Ngọc	01-Aug-04	51800905	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
406	Phạm Thị Thu	Trang	03-Jan-04	51800904	6	6A	THCS Đồng Phong	Nho Quan
407	Lê Trọng Đức	Anh	13-Mar-01	51800962	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
408	Lê Thị Minh	Châu	14-Feb-01	51800961	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
409	Trịnh Kim	Chi	23-Dec-02	51800949	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
410	Tạ Việt	Cường	21-Apr-03	51800935	7	7C	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
411	Nguyễn Anh	Dũng	07-Jun-03	51800933	7	7B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
412	Phạm Thùy	Dương	09-Jan-01	51800956	9	9A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
413	Đinh Thái	Dương	09-Mar-01	51800958	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
414	Vũ Thị Thu	Hằng	16-Nov-02	51800953	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
415	Tổng Đức Trí	Hào	10-Mar-02	51800948	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
416	Đinh Việt	Hoàng	25-Mar-01	51800959	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
417	Nguyễn Huy	Hưng	21-Jun-02	51800945	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
418	Vũ Thanh	Huyền	3-Feb-02	51800952	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
419	Phan Ngọc	Huyền	15-Jan-01	51800963	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
420	Lê Thanh	Lam	04-Feb-02	51800937	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
421	Phạm Phương	Linh	01-Jun-02	51800939	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
422	Phạm Thị Quỳnh	Mai	15-Aug-02	51800940	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
423	Bùi Đình	Minh	19-Jul-01	51800957	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
424	Khương Thành	Nam	16-Jan-01	51800960	9	9B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
425	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	10-Jun-02	51800938	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
426	Đình Minh	Ngọc	09-Jul-02	51800942	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
427	Phạm Bảo	Ngọc	03-Aug-01	51800954	9	9A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
428	Đỗ Hải	Như	30-Sep-02	51800936	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
429	Nguyễn Yến	Phương	21-Feb-02	51800947	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
430	Đoàn Hồng	Quân	16-Jan-03	51800934	7	7C	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
431	Đình Minh	Quân	12-Jun-02	51800943	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
432	Phạm Thẩm	Quyên	20-Aug-01	51800955	9	9A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
433	Quách Thị Trúc	Quỳnh	27-Jul-02	51800941	8	8A	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
434	Trình Ngọc	Thạch	09-Mar-02	51800950	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
435	Vũ Anh	Thư	25-Dec-02	51800951	8	8B	THCS Đồng Giao	Tam Điệp
436	Trần Thu	Hà	17-Oct-01	51800968	9	9A	THCS Quang Sơn	Tam Điệp
437	Bùi Thu	Huyền	18-Feb-04	51800966	6	6B	THCS Quang Sơn	Tam Điệp
438	Nguyễn Minh	Phương	22-Dec-03	51800967	7	7A	THCS Quang Sơn	Tam Điệp
439	Đặng Tuấn	Anh	07-Jan-04	51800969	6	6A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
440	Trần Thị Phương	Anh	21-Nov-04	51800978	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
441	Vũ Thị Minh	Anh	15-Apr-04	51800979	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
442	Đình Hoàng	Anh	25-Aug-03	51800981	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
443	Trần Thị Vân	Anh	04-Nov-02	51801016	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
444	Đỗ Tuấn	Anh	28-Sep-01	51801017	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
445	Hà Thái	Bình	07-Sep-02	51801005	8	8A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
446	Trần Thị Linh	Chi	29-Sep-03	51800999	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
447	Nguyễn Viết	Đạt	21-Aug-04	51800977	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
448	Hà Thành	Đạt	14-Nov-03	51801003	7	7B	THCS Quang Trung	Tam Điệp

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
449	Nguyễn Lê Minh	Đạt	01-Mar-02	51801014	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
450	Đoàn Minh	Đức	27-Oct-04	51800973	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
451	Đình Quốc	Dũng	22-Oct-03	51801002	7	7B	THCS Quang Trung	Tam Điệp
452	Đỗ Thùy	Dương	03-Aug-03	51800980	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
453	Lưu Minh	Hằng	03-Apr-04	51800974	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
454	Nguyễn Đoàn Thu	Hằng	08-Feb-03	51800988	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
455	Mai Việt	Hoàng	11-Dec-03	51800987	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
456	Nguyễn Thành	Hưng	17-Feb-04	51800975	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
457	Lê Phúc	Hưng	11-Dec-03	51800986	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
458	Nguyễn An	Hưng	02-Mar-02	51801012	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
459	Phạm Thị Thu	Hương	20-Apr-02	51801015	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
460	Tô Minh	Khiêm	18-Oct-04	51800972	6	6B	THCS Quang Trung	Tam Điệp
461	Phạm Thanh	Lam	24-Apr-03	51800995	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
462	Phạm Quyền	Linh	22-Aug-03	51800994	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
463	Vũ Thị Ngọc	Linh	18-Sep-03	51801001	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
464	Nguyễn Hoàng Triện	Linh	23-Feb-01	51801019	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
465	Phan Thùy	Linh	26-Oct-01	51801023	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
466	Nguyễn Như Quỳnh	Mai	1-Jan-01	51801020	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
467	Phạm Thanh	Mai	23-Jan-01	51801021	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
468	Nguyễn Phương	Minh	03-Feb-03	51800990	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
469	Lê Thị Ngọc	Minh	12-Feb-02	51801006	8	8A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
470	Lê Bảo	Ngọc	06-Apr-03	51800985	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
471	Hoàng Hán	Nguyên	07-Dec-04	51800970	6	6A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
472	Phạm Minh	Phương	31-Oct-03	51800993	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
473	Dương Thu	Phương	06-Sep-01	51801018	9	9A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
474	Tạ Xuân	Quý	31-Jan-03	51800997	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
475	Trịnh Linh	Quyên	04-Mar-02	51801008	8	8B	THCS Quang Trung	Tam Điệp
476	Hà Lê Thanh	Tâm	11-Jun-02	51801009	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
477	Nguyễn Đăng	Tâm	20-Jul-02	51801013	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
478	Lê Trọng	Tấn	28-Feb-02	51801011	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
479	Phạm Hồng	Thanh	25-Dec-03	51801010	8	8C	THCS Quang Trung	Tam Điệp
480	Nguyễn Phương	Thảo	06-Dec-03	51800989	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
481	Đỗ Minh	Thi	10-Dec-03	51800983	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
482	Trương Thị Minh	Thùy	26-Aug-03	51801000	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
483	Hoàng Thị Kiều	Trang	20-Jun-04	51800971	6	6A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
484	Thái Minh	Tuấn	17-Feb-03	51800998	7	7A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
485	Dương Cẩm	Vân	16-Aug-02	51801004	8	8A	THCS Quang Trung	Tam Điệp
486	Nguyễn Tuấn	Vinh	01-Jan-04	51800976	6	6D	THCS Quang Trung	Tam Điệp
487	Nguyễn Thảo	Vy	25-May-02	51801007	8	8B	THCS Quang Trung	Tam Điệp
488	Nguyễn Quỳnh	Anh	02-Jan-03	51800291	7	7A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
489	Vũ Thị Châu	Anh	12-Jan-03	51800294	7	7A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
490	Đào Vân	Anh	21-Aug-01	51800302	9	9A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
491	Đỗ Thành	Duy	20-Jan-02	51800296	8	8A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
492	Lê Mỹ	Duyên	11-Jun-02	51800299	8	8D	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
493	Bùi Thị Mai	Hương	20-May-01	51800301	9	9A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
494	Trần Hữu Gia	Huy	01-Aug-03	51800292	7	7A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
495	Trần Thị Thu	Huyền	18-Nov-02	51800300	8	8D	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
496	Phan Anh	Khải	24-Mar-04	51800286	6	6A	THCS Đình Tiên Hoàng	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
497	Nguyễn Thị Thảo	Linh	02-May-04	51800288	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
498	Phạm Thị Phương	Mai	24-Dec-02	51800297	8	8B	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
499	Nguyễn Bảo	Ngọc	21-Sep-04	51800287	6	6C	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
500	Lê Bảo	Ngọc	15-Sep-03	51800290	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
501	Phạm Thị Bích	Ngọc	07-Mar-01	51800304	9	9A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
502	Nguyễn Hà	Phương	05-Jan-01	51800303	9	9A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
503	Lưu Thị Minh	Tâm	1-Dec-04	51800284	6	6A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
504	Vũ Bảo	Thắng	01-Nov-01	51800305	9	9A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
505	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12-Oct-03	51800295	7	7B	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
506	Đặng Kiều	Trang	26-Nov-03	51800289	7	7A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
507	Đỗ Quốc	Trung	23-Jan-02	51800298	8	8D	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
508	Nguyễn Thị Minh	Vân	05-Jun-04	51800285	6	6A	THCS Đinh Tiên Hoàng	TP Ninh Bình
509	Trần Đức	Anh	21-Feb-04	51800011	6	6B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
510	Hà Việt	Anh	1-Jul-04	51800012	6	6C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
511	Nguyễn Đăng Hùng	Anh	25-Jul-04	51800014	6	6C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
512	Hoàng Vũ Việt	Anh	8-Aug-04	51800026	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
513	Vũ Việt	Anh	21-Aug-04	51800032	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
514	Hoàng Phương	Anh	02-Mar-04	51800035	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
515	Trần Đức	Anh	11-Dec-04	51800045	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
516	Trần Thị Ngọc	Anh	06-Aug-04	51800047	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
517	Bùi Nhật	Anh	14-Sep-03	51800074	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
518	Đinh Lê Quỳnh	Anh	27-Oct-03	51800077	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
519	Hoàng Hải Ninh	Anh	14-Oct-03	51800079	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
520	Ngô Thị Hà	Anh	17-Sep-03	51800082	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
521	Nguyễn Tú	Anh	05-Aug-03	51800091	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
522	Phạm Thị Thùy	Anh	06-Apr-03	51800108	7	7E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
523	Ngô Ngọc	Anh	04-Oct-03	51800109	7	7G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
524	Nguyễn Ngọc	Anh	26-Aug-03	51800110	7	7G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
525	Phạm Mỹ	Anh	19-Sep-03	51800111	7	7G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
526	Vũ Trâm	Anh	05-Mar-03	51800118	7	7H	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
527	Vũ Việt	Anh	05-Dec-02	51800133	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
528	Đặng Quỳnh	Anh	17-Oct-02	51800134	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
529	Dương Thị Phương	Anh	07-Jul-02	51800144	8	8C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
530	Đặng Thị Phương	Anh	04-Feb-02	51800150	8	8E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
531	Lê Thị Vân	Anh	19-Jan-02	51800151	8	8E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
532	Bùi Thủy	Anh	07-Oct-01	51800166	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
533	Đỗ Quang	Anh	25-Apr-01	51800167	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
534	Ngô Hoàng	Anh	13-Aug-01	51800176	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
535	Phạm Quỳnh	Anh	18-May-01	51800183	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
536	Lê Thị Vân	Anh	10-Dec-01	51800198	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
537	Nguyễn Trần Thị Quế	Anh	18-Apr-01	51800200	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
538	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	15-Sep-01	51800189	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
539	Phạm Trung	Bách	23-Nov-02	51800129	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
540	Nguyễn Đoàn Gia	Bảo	26-Aug-03	51800050	7	7A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
541	Nguyễn Ngọc	Bích	30-Jun-04	51800040	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
542	Đình Minh	Châu	13-Nov-03	51800057	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
543	Nguyễn Thảo Quế	Chi	02-Oct-01	51800178	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
544	Phạm Mai	Chi	13-May-01	51800182	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
545	Phan Trần Quỳnh	Chi	06-Sep-01	51800185	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
546	Trần Hoàng Mai	Chi	30-Jul-01	51800186	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
547	Vũ Thành	Công	12-Jun-04	51800048	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
548	Trần Thành	Công	26-Jun-02	51800140	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
549	Lê Mạnh	Đạt	23-Feb-04	51800027	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
550	Lê Trần ngọc	Diệp	04-May-03	51800063	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
551	Trần Thị Ngọc	Diệp	02-Sep-01	51800194	9	9C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
552	Hà Vũ Minh	Đức	11-Nov-04	51800025	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
553	Nguyễn Minh	Đức	17-Jul-03	51800066	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
554	Ngô Anh	Đức	02-Oct-03	51800097	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
555	Phạm Minh	Đức	19-Sep-02	51800153	8	8E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
556	Nguyễn Trần Thùy	Dung	14-Oct-04	51800019	6	6D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
557	Trần Thị	Dung	31-May-02	51800141	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
558	Nguyễn Tiến	Dũng	24-Jan-03	51800100	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
559	Trần Thùy	Dương	23-Jun-03	51800094	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
560	Vũ Hương	Giang	16-Sep-03	51800073	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
561	Đỗ Hương	Giang	14-May-02	51800122	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
562	Trần Huyền	Giang	24-Oct-02	51800139	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
563	Nguyễn Thị Hương	Giang	10-Jul-01	51800179	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
564	Phan Thu	Hà	22-Dec-03	51800052	7	7A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
565	Phạm Thu	Hà	23-Jun-03	51800069	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
566	Bùi Phương	Hà	07-Feb-03	51800075	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
567	Nguyễn Ngọc	Hà	03-Oct-01	51800160	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
568	Vũ Thị Mai	Hà	27-Dec-01	51800190	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
569	Nguyễn Hồng	Hạnh	14-Apr-04	51800039	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
570	Hoàng Hải	Hậu	20-Mar-01	51800170	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
571	Ngô Thúy	Hiền	10-Oct-03	51800083	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
572	Đinh Thị Thu	Hiền	25-Mar-01	51800197	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
573	Vũ Minh	Hiếu	12-Feb-04	51800031	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
574	An Đức	Hiếu	05-Nov-02	51800119	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
575	Trần Minh	Hiếu	29-Oct-02	51800148	8	8D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
576	Nguyễn Thị Mai	Hoa	21-Apr-03	51800088	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
577	Nguyễn Thu	Hoài	27-Apr-01	51800180	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
578	Đinh Thị	Huệ	10-Jun-04	51800024	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
579	Nguyễn Sinh	Hùng	20-Aug-04	51800042	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
580	Phạm Văn	Hưng	27-Oct-04	51800005	6	6A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
581	Trần Thanh	Hương	19-Jun-04	51800020	6	6D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
582	Nguyễn Hoàng Mai	Hương	18-Feb-03	51800064	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
583	Đặng Thu	Hương	14-Jan-02	51800143	8	8C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
584	Vũ Thị Thanh	Hương	25-Jul-01	51800164	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
585	Vũ Ngọc	Huyền	20-Sep-01	51800163	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
586	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26-Sep-03	51800089	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
587	Ngô Khánh	Huyền	31-Jan-02	51800125	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
588	Phạm Thị Thanh	Huyền	24-Oct-02	51800147	8	8D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
589	Vũ Nguyễn Hương	Huyền	02-Jan-02	51800154	8	8E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
590	Nguyễn Ngọc	Khánh	08-Aug-01	51800177	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
591	Trần Minh	Khuê	15-Nov-03	51800070	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
592	Đinh Thị Lệ	Khuyên	13-Sep-01	51800196	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
593	Đinh Hương	Lan	01-Jan-03	51800076	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
594	Bùi Thị Ngọc	Linh	16-May-04	51800001	6	6A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
595	Vũ Thảo Phương	Linh	02-Sep-04	51800006	6	6A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
596	Nguyễn Phương	Linh	28-May-04	51800010	6	6B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
597	An Hà Yến	Linh	29-Sep-04	51800033	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
598	Lại Thị Ngọc	Linh	26-Jul-04	51800036	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
599	Phạm Thảo	Linh	16-Jan-04	51800043	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
600	Nguyễn Diệu	Linh	01-Feb-03	51800049	7	7A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
601	Nguyễn Phương	Linh	24-Jun-03	51800067	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
602	Ngô Phương	Linh	28-Mar-03	51800081	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
603	Phạm Thị Thùy	Linh	27-Jan-03	51800101	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
604	Đinh Thị Hải	Linh	15-Dec-03	51800104	7	7E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
605	Đặng Khánh	Linh	05-Dec-03	51800114	7	7H	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
606	Đặng Vũ Mai	Linh	28-Sep-02	51800121	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
607	Trần Khánh	Linh	27-Aug-02	51800131	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
608	Trần Khánh	Linh	22-Jun-01	51800187	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
609	Trần Thủy	Linh	11-Aug-01	51800188	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
610	Hoàng Phương	Ly	15-Nov-01	51800172	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
611	Nguyễn Xuân	Mai	28-Dec-03	51800068	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
612	Nguyễn Phương	Mai	30-Jul-03	51800086	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
613	Tô Tiến	Mạnh	13-Apr-04	51800044	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
614	Phạm Đức	Mạnh	20-Jan-03	51800092	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
615	Đinh Hà	Mi	11-Oct-03	51800056	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
616	Lê Nhật	Minh	05-Oct-04	51800013	6	6C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
617	Nguyễn Khắc Lê	Minh	31-Jul-04	51800028	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
618	Nguyễn Nhật	Minh	08-Nov-04	51800041	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
619	Nguyễn Tử Trọng	Minh	16-Feb-03	51800106	7	7E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
620	Lý Triệu	Minh	21-Jan-01	51800175	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
621	Phạm Bình	Minh	12-Dec-01	51800181	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
622	Nguyễn Trà	My	9-Nov-02	51800146	8	8D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
623	Lê Thị Hà	My	19-Mar-01	51800174	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
624	Đinh Vũ Thảo	Ngân	22-May-02	51800135	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
625	Lê Thị	Ngân	12-Jan-01	51800158	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
626	Đinh Nguyễn Bảo	Ngọc	21-Nov-04	51800008	6	6B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
627	Đoàn Đỗ Bảo	Ngọc	09-Dec-03	51800059	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
628	Đoàn Minh	Ngọc	09-Feb-03	51800078	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
629	Phạm Vũ Hồng	Ngọc	07-Dec-01	51800184	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
630	Hà Thảo	Nguyễn	17-Nov-04	51800009	6	6B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
631	Bùi Minh	Nguyệt	29-May-01	51800165	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
632	Mạch Thị Hỷ	Nhi	16-Jun-02	51800145	8	8D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
633	Hoàng Yến	Nhi	26-Dec-01	51800173	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
634	Lê Hoài Yến	Nhi	20-Aug-01	51800192	9	9C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
635	Trần Cẩm	Nhung	27-Jul-02	51800130	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
636	Trần Phương	Nhung	15-Feb-01	51800162	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
637	Đỗ Bình Khánh	Ninh	28-Oct-03	51800096	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
638	Nguyễn Hải	Ninh	20-Oct-01	51800199	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
639	Đỗ Thế	Phiệt	02-May-01	51800168	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
640	Đinh Ngọc	Phong	15-Mar-03	51800058	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
641	Trần Thiên	Phú	08-Apr-02	51800132	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
642	Đặng Hùng	Phúc	31-Oct-04	51800017	6	6D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
643	Đặng Thảo	Phương	02-Nov-03	51800054	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
644	lê Mai	Phương	19-Sep-03	51800061	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
645	Phạm Thu	Phương	2-Feb-03	51800112	7	7G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
646	Bùi Thị Bích	Phương	07-Jun-01	51800191	9	9C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
647	Nguyễn Minh	Quân	16-Aug-02	51800152	8	8E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
648	Đinh Diễm	Quỳnh	12-Jan-04	51800002	6	6A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
649	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	26-Jul-02	51800120	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
650	Phạm Thúy	Quỳnh	12-May-02	51800128	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
651	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	31-Aug-03	51800085	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
652	Vũ Hồng	Thắm	10-Jul-03	51800117	7	7H	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
653	Nguyễn Thị Phương	Thanh	28-Jun-03	51800099	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
654	Lê Phương	Thảo	26-Dec-03	51800062	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
655	Lê Thị	Thảo	26-Oct-03	51800080	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
656	Vũ Phương	Thảo	22-Aug-03	51800113	7	7G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
657	Lê Phương	Thảo	26-Sep-02	51800124	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
658	Cù Phương	Thảo	01-Jan-01	51800155	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
659	Đàm Lê Hưng	Thịnh	10-Mar-01	51800156	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
660	Lương Thị Anh	Thơ	24-Aug-04	51800037	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
661	Đinh Trần Hiếu	Thuận	11-Aug-03	51800095	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
662	Vũ Thị Thanh	Thúy	23-Jan-02	51800149	8	8D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
663	Nguyễn Minh	Tiến	16-Jul-01	51800159	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
664	Trần Thi Thu	Trà	21-Mar-04	51800021	6	6D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
665	Đặng Linh	Trang	01-Jul-04	51800023	6	6E	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
666	Nguyễn Thị Hà	Trang	13-Mar-03	51800087	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
667	Nguyễn Thu	Trang	22-Mar-03	51800090	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
668	Lê Thùy	Trang	14-Nov-02	51800137	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
669	Đặng Thị Thùy	Trang	24-Jul-01	51800157	9	9A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
670	Đỗ Thị Hồng	Trang	17-May-01	51800169	9	9B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
671	Trần Quốc	Trung	22-Sep-04	51800046	6	6G	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
672	Trần Quang	Tuấn	25-May-03	51800093	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
673	Phạm Minh	Tuấn	18-Jul-02	51800127	8	8A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
674	Đình Anh	Tuấn	01-Apr-02	51800136	8	8B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
675	Nguyễn Hoàng	Tùng	12-Oct-03	51800084	7	7C	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
676	Nguyễn Thu	Uyên	16-Nov-03	51800053	7	7A	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
677	Đặng Yến	Vi	24-Sep-01	51800195	9	9D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
678	Vũ Hoàng	Việt	27-Oct-03	51800102	7	7D	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
679	Đình Gia	Vinh	06-Oct-03	51800055	7	7B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
680	Bùi Thị Hải	Yến	12-Jul-04	51800007	6	6B	THCS Lê Hồng Phong	TP Ninh Bình
681	Tổng Mai	Anh	28-Jan-04	51800206	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
682	Phạm Hoàng Ngọc	Anh	20-May-04	51800231	6	6D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
683	Ninh Thị Mai	Anh	27-Feb-04	51800233	6	6H	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
684	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	16-Mar-03	51800236	7	7C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
685	Trần Thị Ngọc	Anh	14-Feb-02	51800258	8	8B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
686	Trịnh Mai	Anh	17-Jan-02	51800273	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
687	Lã Mai Hương	Anh	12-Sep-01	51800280	9	9G	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
688	Nguyễn Ngọc	Ánh	30-Oct-04	51800232	6	6E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
689	Phạm Thị Ngọc	Ánh	07-Jan-01	51800277	9	9A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
690	Ngô Thùy Nhật	Ánh	18-Jul-01	51800278	9	9D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
691	Trịnh Gia	Bảo	24-Mar-04	51800226	6	6C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
692	Đình Gia	Bảo	28-Jul-02	51800265	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
693	Phạm Tú	Chi	13-Nov-04	51800217	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
694	Vũ Mai	Chi	14-Feb-04	51800220	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
695	Bùi Việt	Cường	13-Feb-02	51800255	8	8B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
696	Nguyễn Hoàng	Đức	10-Sep-03	51800244	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
697	Nguyễn Minh	Đức	30-Dec-02	51800257	8	8B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
698	Đỗ Văn Tấn	Dũng	14-Oct-03	51800234	7	7A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
699	Phạm Tùng	Dương	06-Aug-04	51800218	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
700	Nguyễn Thúy	Hiền	09-Jan-03	51800252	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
701	Bùi Thị Thu	Hiền	25-Sep-02	51800263	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
702	Hà Huy	Hoàng	27-May-04	51800227	6	6D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
703	Mai Thành	Hưng	13-Apr-03	51800242	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
704	Đình Văn	Huy	10-Apr-03	51800241	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
705	Trịnh Khánh	Huyền	17-Mar-04	51800208	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
706	Phạm Khánh	Huyền	15-Oct-03	51800237	7	7C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
707	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	04-Mar-01	51800282	9	9G	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
708	Lâm Minh	Khanh	21-Oct-02	51800267	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
709	Đặng Quốc	Khánh	15-Mar-03	51800246	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
710	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	19-Apr-04	51800215	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
711	Đặng Hoàng Nhật	Linh	15-Aug-03	51800240	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
712	Đình Diệu	Linh	08-Aug-02	51800264	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
713	Nguyễn Khánh	Linh	02-Jan-02	51800269	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
714	Nguyễn Phương	Loan	09-Nov-02	51800271	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
715	Nguyễn Mạnh	Luân	14-Jun-04	51800212	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
716	Nguyễn Thảo	Ly	17-Aug-03	51800235	7	7C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
717	Bùi Hương	Ly	17-Feb-02	51800260	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
718	Trịnh Hương	Ly	31-Aug-01	51800283	9	9G	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
719	Nguyễn Thu	Mai	03-Apr-04	51800204	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
720	Nguyễn Tuấn	Minh	17-Jun-04	51800225	6	6C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
721	Đình Lê Hoàng	Minh	03-Feb-03	51800247	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
722	Vũ Hà	My	31-Jul-03	51800254	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
723	Bùi Phương	Nga	05-Sep-02	51800262	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
724	Ngô Thị Kiều	Ngân	21-May-04	51800229	6	6D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
725	Nguyễn Bích	Ngọc	10-Sep-04	51800201	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
726	Nguyễn Bích	Ngọc	17-Aug-04	51800202	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
727	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	17-Nov-04	51800214	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
728	Lê Phương	Nhung	18-Jan-02	51800256	8	8B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
729	Nguyễn Duy	Phúc	12-Apr-03	51800243	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
730	Lê Hà	Phương	30-Jan-03	51800249	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
731	Nguyễn Thu	Phương	04-May-03	51800251	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
732	Phạm Hà	Phương	10-Jun-03	51800253	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
733	Lã Hoài	Phương	13-Aug-02	51800266	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
734	Nguyễn Thu	Phương	31-Jan-01	51800276	9	9A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
735	Phạm Minh	Quang	21-Aug-03	51800245	7	7D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
736	Đặng Diễm	Quỳnh	01-Aug-01	51800275	9	9A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
737	Trương Ngọc	Sang	14-Jan-02	51800274	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
738	Phạm Thu	Thảo	25-Sep-03	51800238	7	7C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
739	Trần Thu	Trang	15-May-04	51800207	6	6A	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
740	Hoàng Thị Thu	Trang	12-Jul-03	51800248	7	7E	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
741	Nguyễn Bảo Quỳnh	Trang	5-Feb-02	51800268	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
742	Hoàng Tuấn	Trung	09-Dec-04	51800210	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
743	Lã Quang	Trung	13-Dec-04	51800228	6	6D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
744	Nguyễn Ngọc Hoàng	Tùng	12-May-02	51800270	8	8D	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
745	Đinh Thu	Uyên	20-Dec-01	51800279	9	9G	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
746	Nguyễn Thị Hồng	Vân	25-Oct-01	51800281	9	9G	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
747	Nguyễn Đức	Vinh	26-Mar-04	51800222	6	6C	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
748	Đào Lan	Vy	02-Sep-04	51800209	6	6B	THCS Lý Tự Trọng	TP Ninh Bình
749	Hoàng Kiều	Anh	29-Jan-03	51800322	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
750	Hoàng Ngọc	Hà	23-Oct-03	51800323	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
751	Bùi Ngọc	Hà	09-Jul-02	51800340	8	8C	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
752	Tạ Diễm	Hằng	13-Oct-01	51800349	9	9A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
753	Vũ Hoàng	Hiếu	14-Jan-04	51800318	6	6B	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
754	Phạm Vũ Minh	Hoàng	19-Feb-03	51800332	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
755	Nguyễn Thành	Hưng	06-Sep-03	51800327	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
756	Lê Thị Thu	Hương	09-Oct-03	51800325	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
757	Hoàng Thị Mai	Hương	25-Apr-02	51800342	8	8C	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
758	Hoàng Thị Mai	Lê	16-Jul-02	51800338	8	8A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
759	Bùi Trần Thùy	Linh	23-Apr-04	51800307	6	6B	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
760	Nguyễn Thị Diệu	Linh	25-Feb-03	51800328	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
761	Nguyễn Thị Hà	Linh	17-Jun-03	51800329	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
762	Hoàng Thị Hương	Ly	22-Sep-04	51800311	6	6B	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
763	Nguyễn Công	Minh	19-May-04	51800314	6	6B	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
764	Bùi Tuấn	Minh	29-Jan-03	51800319	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
765	Trịnh Thị Hoàng	Ngân	09-Aug-04	51800306	6	6A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
766	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	01-May-02	51800343	8	8C	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
767	Trần Tuyết	Nhi	28-Nov-03	51800333	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
768	Nguyễn Diệu	Phương	24-Jul-02	51800344	8	8C	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
769	Đào Ngọc	Quý	14-Sep-03	51800321	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
770	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	11-Feb-01	51800348	9	9A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
771	Nguyễn Công	Thành	28-Aug-01	51800347	9	9A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
772	Nguyễn Diệu	Thu	28-Oct-03	51800326	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
773	Lê Thu	Trang	04-Aug-03	51800336	7	7C	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
774	Nguyễn Quỳnh	Trang	27-Nov-02	51800339	8	8B	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
775	Lê Đoàn Thùy	Trang	12-Aug-01	51800346	9	9A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
776	Bùi Thị Ánh	Tuyết	16-Jan-02	51800337	8	8A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
777	Nguyễn Trọng	Văn	30-Oct-03	51800330	7	7A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
778	Trịnh Hoàng	Việt	10-Jul-01	51800350	9	9A	THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	TP Ninh Bình
779	Đinh Thị Ngọc	Ánh	7-Sep-01	51800360	9	9B	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
780	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	18-Mar-01	51800361	9	9B	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
781	Nguyễn Văn Khánh	Duy	05-Jan-02	51800358	8	8A	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
782	Bùi Thị Hồng	Ngân	29-Mar-02	51800357	8	8A	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
783	Đoàn Văn	Nguyên	02-Feb-03	51800356	7	7A	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
784	Tổng Đức	Phương	19-Nov-02	51800359	8	8B	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
785	Đinh Thị	Thoa	20-Feb-04	51800352	6	6B	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
786	Bùi Thị Minh	Thúy	30-Sep-04	51800351	6	6A	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
787	Phạm Thị Huyền	Trang	07-Apr-04	51800353	6	6B	THCS Ninh Nhất	TP Ninh Bình
788	Đoàn Thành	Chung	10-Jun-03	51800371	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
789	Cao Thị Thuỳ	Dương	28-Mar-03	51800369	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
790	Bùi Tùng	Dương	27-Jul-02	51800377	8	8B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
791	Vũ Thu	Hằng	19-Jun-03	51800374	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
792	Lê Minh	Hiếu	18-Jul-04	51800365	6	6B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
793	Trần Trung	Hiếu	04-Jan-04	51800367	6	6B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
794	Nguyễn Quốc	Huy	31-May-02	51800379	8	8B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
795	Đinh Đức	Khiêm	13-Nov-02	51800378	8	8B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
796	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	26-Jul-04	51800366	6	6B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
797	Bùi Thị Khánh	Linh	22-Dec-02	51800376	8	8B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
798	Vũ Đức	Luận	05-Oct-03	51800373	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
799	Đỗ Thị	Mai	19-Jun-01	51800381	9	9B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
800	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	20-Aug-02	51800375	8	8A	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
801	Lã Phương	Thảo	12-Jan-04	51800363	6	6B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
802	Đỗ Đức	Thiện	25-May-03	51800370	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
803	Nguyễn Thị Thu	Trang	19-Apr-01	51800382	9	9B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
804	Trần Vũ Cẩm	Tú	29-Oct-03	51800372	7	7B	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
805	Phan Thị Hải	Yến	01-Mar-01	51800380	9	9A	THCS Ninh Sơn	TP Ninh Bình
806	Phạm Phương	Anh	13-Mar-04	51800391	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
807	Đinh Công	Chính	23-Jul-01	51800408	9	9A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
808	Phạm Tuấn	Dũng	23-Oct-02	51800402	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
809	Đỗ Quỳnh	Giang	11-Jan-04	51800385	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
810	Nguyễn Thị Vân	Hà	20-Aug-03	51800394	7	7B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
811	Nguyễn Thế	Hoàng	02-May-02	51800398	8	8A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
812	Nguyễn Huy	Hoàng	04-Oct-02	51800400	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
813	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	27-Oct-02	51800397	8	8A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
814	Trịnh Trung	Kiên	18-Sep-02	51800404	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
815	Hoàng Mai	Lê	27-Feb-02	51800399	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
816	Nguyễn Khánh	Linh	27-Dec-03	51800393	7	7B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
817	Phạm Thùy	Linh	01-Nov-02	51800401	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
818	Đinh Trà	My	06-Aug-02	51800396	8	8A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
819	Đinh Thế	Nam	04-May-02	51800395	8	8A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
820	Nguyễn Lý Hoài	Nam	08-Oct-01	51800410	9	9A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
821	Phạm Hồng	Ngọc	17-Feb-04	51800390	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
822	Đinh Thị Hoài	Phương	07-Oct-01	51800409	9	9A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
823	Nguyễn Hữu	Quang	08-Aug-04	51800386	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
824	Nguyễn Tuấn	Thành	15-Jun-02	51800406	8	8C	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
825	Nguyễn Minh	Thư	10-Feb-04	51800387	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
826	Trần Trí	Thức	04-Sep-02	51800403	8	8B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
827	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	29-Oct-04	51800388	6	6B	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
828	Đặng Văn	Tuấn	06-Apr-01	51800407	9	9A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
829	Phạm Thục	Uyên	19-Mar-04	51800384	6	6A	THCS Ninh Thành	TP Ninh Bình
830	Phạm Mai	Anh	22-Mar-04	51800418	6	6B	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
831	Đỗ Hoàng	Anh	28-Jul-04	51800430	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
832	Vũ Ngọc Châu	Anh	15-Dec-04	51800434	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
833	Cao Ngọc Quỳnh	Anh	13-Jun-02	51800438	8	8C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
834	Cao Ngọc	Ánh	21-Apr-04	51800415	6	6B	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
835	Nguyễn Quỳnh	Chi	06-Jan-04	51800416	6	6B	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
836	Bùi Trần	Đức	03-Mar-04	51800411	6	6A	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
837	Lê Ngân	Hà	23-Jul-04	51800431	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
838	Phạm Thị Thu	Hoài	31-May-04	51800425	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
839	Lê Minh	Hùng	29-Nov-04	51800413	6	6A	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
840	Nguyễn Phạm Ngọc	Khánh	17-Mar-01	51800440	9	9D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
841	Đình Văn	Kiên	28-Sep-04	51800419	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
842	Nguyễn Thảo	Linh	15-Jul-04	51800433	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
843	Nguyễn Thành	Luân	11-Jan-04	51800437	6	6G	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
844	Tạ Phương	Mai	20-Jun-04	51800426	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
845	Vũ Ngọc Trà	My	01-Aug-04	51800428	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
846	Nguyễn Như	Ngọc	08-Jan-04	51800423	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
847	Nguyễn Mai	Phương	17-Dec-04	51800422	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
848	Vũ Mai	Phương	07-Jul-04	51800427	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
849	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	03-Jun-04	51800435	6	6E	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
850	Trần Trường	Thành	24-May-01	51800439	9	9A	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
851	Nguyễn Dương Phương	Thảo	07-Jan-04	51800420	6	6C	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
852	Chu Phương	Thảo	21-Feb-04	51800429	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
853	Trịnh Phương	Thảo	01-Jan-01	51800441	9	9D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
854	Nguyễn Quỳnh	Trang	22-Oct-04	51800432	6	6D	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
855	Lê Thùy	Trang	2-Apr-04	51800436	6	6G	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
856	Nguyễn Xuân	Trường	21-Feb-04	51800417	6	6B	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
857	Nguyễn Anh	Tuấn	29-Dec-04	51800414	6	6A	THCS Trương Hán Siêu	TP Ninh Bình
858	Bùi Đức	Độ	06-Jun-03	51801034	7	7A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
859	Vũ Đức	Dũng	07-Jan-04	51801033	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
860	Bùi Thị Thu	Hằng	28-Sep-02	51801040	8	8A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
861	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	03-Jul-01	51801049	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
862	Đoàn Thu	Hương	17-Jan-04	51801030	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
863	Hà Thị Mai	Hương	19-Mar-03	51801035	7	7A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
864	Phạm Mỹ	Hương	13-Oct-02	51801041	8	8A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
865	Đình Hoàng	Huy	30-Dec-04	51801027	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
866	Phạm Ngọc	Huy	28-Aug-04	51801032	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
867	Bùi Thị Thu	Huyền	28-Aug-04	51801025	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
868	Phạm Trí	Linh	18-Feb-02	51801042	8	8A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
869	Phạm Trịnh Linh	Linh	11-Nov-01	51801048	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
870	Đình Thùy	Ngân	13-Jan-01	51801045	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
871	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	09-Jun-01	51801047	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
872	Đỗ Lan	Phương	21-Feb-01	51801046	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
873	Đoàn Minh	Quân	12-Jan-04	51801029	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
874	Vũ Thị Thanh	Tâm	08-Sep-02	51801043	8	8A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
875	Bùi Thị Phương	Thảo	25-Mar-04	51801024	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
876	Nguyễn Minh	Thư	06-Jan-03	51801036	7	7A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
877	An Thùy	Trang	10-Jun-02	51801039	8	8A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
878	Chu Huyền	Trang	19-Apr-01	51801044	9	9A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
879	Vũ Thanh	Tú	04-Feb-03	51801038	7	7A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh
880	Đặng Đức	Tùng	12-Apr-04	51801026	6	6A	THCS Khánh Cư	Yên Khánh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
881	Bùi Thị Lan	Anh	01-May-01	51801066	9	9A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
882	Phạm Trọng	Biên	24-Oct-02	51801061	8	8A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
883	Nguyễn Thành	Đạt	16-Jun-04	51801051	6	6A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
884	Nguyễn Thanh Tiến	Dũng	30-Jan-04	51801052	6	6A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
885	Tô Thị Thanh	Duyên	22-Aug-02	51801062	8	8A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
886	Phạm Trung	Hiếu	02-Jan-01	51801069	9	9A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
887	Bùi Quang	Hùng	02-Feb-01	51801065	9	9A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
888	Hoàng Ngọc	Hưng	24-Apr-04	51801050	6	6A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
889	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26-May-01	51801068	9	9A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
890	Vũ Thị Trà	My	25-Sep-03	51801059	7	7A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
891	Trần Thị Tuyết	Phượng	02-Jun-02	51801064	8	8A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
892	Nguyễn Thúy	Vân	26-Mar-03	51801057	7	7A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
893	Hoàng Thị Thanh	Vân	26-Sep-01	51801067	9	9A	THCS Khánh Cường	Yên Khánh
894	Nguyễn Thục	Anh	06-Apr-04	51801070	6	6A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
895	Tô Thị Ngọc	Bích	26-Jul-02	51801076	8	8A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
896	Lê Khánh	Linh	17-Oct-02	51801071	8	8A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
897	Nguyễn Đức	Minh	26-Dec-02	51801074	8	8A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
898	Tô Thị Thảo	My	07-Oct-02	51801077	8	8A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
899	Nguyễn Minh	Ngọc	14-Sep-02	51801075	8	8A	THCS Khánh Hội	Yên Khánh
900	Trương Mỹ	Hạnh	04-Oct-02	51801092	8	8A	THCS Khánh Hồng	Yên Khánh
901	Mai Đỗ	Lâm	10-Jun-01	51801094	9	9A	THCS Khánh Hồng	Yên Khánh
902	Chu Thị Bích	Nguyệt	20-Jan-02	51801089	8	8A	THCS Khánh Hồng	Yên Khánh
903	Trần Thị Kim	Chi	29-Jun-04	51801098	6	6A	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
904	Lê Thị Bích	Đào	30-Jan-04	51801104	6	6C	THCS Khánh Phú	Yên Khánh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
905	Vũ Khánh	Hòa	02-May-04	51801108	6	6C	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
906	Trần Diệu	Linh	26-Jan-04	51801107	6	6C	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
907	Lê Thị Phương	Linh	14-May-03	51801110	7	7A	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
908	Đình Xuân	Thành	22-Feb-04	51801103	6	6C	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
909	Vũ Tất	Thành	16-Feb-04	51801109	6	6C	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
910	Lê Thị	Thu	04-May-04	51801100	6	6B	THCS Khánh Phú	Yên Khánh
911	Phạm Trâm	Anh	05-Aug-02	51801116	8	8B	THCS Khánh Thiện	Yên Khánh
912	Đình Thị Thùy	Dung	26-Nov-03	51801114	7	7B	THCS Khánh Thiện	Yên Khánh
913	Bùi Đức	Mạnh	12-Apr-03	51801113	7	7B	THCS Khánh Thiện	Yên Khánh
914	Phạm Thị Ánh	Tuyết	23-Apr-02	51801115	8	8A	THCS Khánh Thiện	Yên Khánh
915	Nguyễn Tiến	Dũng	16-Mar-01	51801124	9	9A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
916	Phạm Thị Thu	Hà	14-Feb-01	51801125	9	9A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
917	Nguyễn Thu	Hằng	20-Dec-03	51801120	7	7A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
918	Phạm Thị Thu	Hằng	20-Apr-03	51801121	7	7A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
919	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15-Feb-02	51801123	8	8A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
920	Nguyễn Thái	Sơn	23-Dec-04	51801117	6	6A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
921	Phạm Anh	Thư	17-Mar-04	51801118	6	6A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
922	Phạm Bảo	Uyên	14-Feb-04	51801119	6	6A	THCS Khánh Trung	Yên Khánh
923	Tổng Thị Quỳnh	Anh	12-Mar-03	51801135	7	7B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
924	Tô Mai	Anh	18-May-01	51801141	9	9A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
925	Tổng Xuân	Đạt	14-Jul-03	51801132	7	7A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
926	Vũ Phương Thảo	Linh	26-Sep-04	51801129	6	6B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
927	Hoàng Khánh	Linh	18-Oct-03	51801130	7	7A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
928	Nguyễn Kiều	Mai	15-Aug-01	51801140	9	9A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
929	Tổng Quang	Minh	07-Feb-03	51801131	7	7A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
930	Trần Thị	Nhâm	05-May-02	51801139	8	8B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
931	Tổng Lê Như	Quỳnh	12-Feb-01	51801143	9	9B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
932	Nguyễn Anh	Tài	09-Sep-01	51801142	9	9B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
933	Lương Đức	Thành	16-Jun-02	51801137	8	8A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
934	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23-Mar-04	51801128	6	6B	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
935	Phạm Thị	Thư	14-Dec-01	51801145	9	9C	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
936	Đình Thành	Tín	05-Apr-02	51801138	8	8A	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
937	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28-Jan-01	51801144	9	9C	THCS Khánh Vân	Yên Khánh
938	Phạm Việt	Anh	27-Oct-01	51801148	9	9A	THCS Lê Quý Đôn	Yên Khánh
939	Thịnh Thanh	Quỳnh	29-Jan-01	51801149	9	9A	THCS Lê Quý Đôn	Yên Khánh
940	Vũ Thị Thanh	Thanh	12-Nov-01	51801150	9	9A	THCS Lê Quý Đôn	Yên Khánh
941	Lại Mai	Thùy	24-Apr-01	51801146	9	9A	THCS Lê Quý Đôn	Yên Khánh
942	Nguyễn Thị Minh	Thủy	27-Feb-01	51801147	9	9A	THCS Lê Quý Đôn	Yên Khánh
943	Lại Vũ Hoàng	Anh	13-Sep-03	51801166	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
944	Phạm Hồng Ngọc	Anh	25-Oct-03	51801169	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
945	Vũ Quỳnh	Anh	14-Oct-02	51801185	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
946	Vũ Quốc	Chuẩn	13-Oct-03	51801173	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
947	Nguyễn Mạnh	Cường	27-Mar-04	51801153	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
948	Nguyễn Thuỳ	Dương	28-Apr-02	51801180	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
949	Phạm Thảo	Duyên	16-Sep-02	51801183	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
950	Nguyễn Việt	Hà	31-Mar-02	51801181	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
951	Đoàn Bùi Mai	Hoa	17-Dec-04	51801151	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
952	Nguyễn Phi	Hùng	11-Aug-02	51801179	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
953	Hoàng Lan	Hương	06-Jan-01	51801187	9	9A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
954	Đoàn Thanh	Huyền	19-Oct-03	51801164	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
955	Phùng Thanh	Huyền	30-Dec-03	51801172	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
956	Nguyễn Ngọc	Khánh	25-Apr-02	51801177	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
957	Phạm Duy	Khiêm	20-Nov-01	51801188	9	9A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
958	Phạm Ngọc	Khoa	01-Jan-03	51801170	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
959	Đỗ Diệu	Linh	03-May-01	51801186	9	9A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
960	Nguyễn Việt	Long	19-Nov-04	51801155	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
961	Trịnh Đức	Mạnh	21-Sep-04	51801159	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
962	Phạm Lê Quang	Minh	24-Sep-04	51801157	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
963	Mai Trà	My	30-Mar-02	51801176	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
964	Phạm Hải	Ngân	23-Oct-03	51801168	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
965	Phạm Thu	Ngân	20-Apr-01	51801189	9	9A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
966	Đoàn Thị Hồng	Nhung	09-Feb-03	51801165	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
967	Lại Hồng	Phúc	9-Apr-02	51801175	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
968	Phạm Hải	Phương	13-Jan-04	51801156	6	6A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
969	Phạm Ngọc	Quỳnh	24-Feb-02	51801182	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
970	Vũ Thị Thanh	Tâm	08-Jan-03	51801174	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
971	Phan Quyết	Thắng	27-Apr-02	51801184	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
972	Đinh Phương	Thảo	14-Feb-03	51801162	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
973	Nguyễn Phương	Thảo	16-Feb-03	51801167	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
974	Phạm Phương	Thảo	16-Sep-03	51801171	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
975	Vũ Thị Kim	Thư	10-May-01	51801191	9	9A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
976	Đinh Thùy	Trang	05-Jun-03	51801163	7	7A	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
977	Bùi Thu	Uyên	04-Nov-01	51801192	9	9C	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
978	Nguyễn Ngọc Khánh	Vi	12-Jun-02	51801178	8	8D	THCS Thị trấn Yên Ninh	Yên Khánh
979	Vũ Thị Thu	An	11-Mar-01	51801212	9	9A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
980	Nguyễn Đức	Hoàng	05-May-04	51801194	6	6A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
981	Lê Phi	Hoàng	20-Aug-02	51801204	8	8A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
982	Trương Thị Quỳnh	Hương	13-Jul-04	51801197	6	6A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
983	Bùi Lan	Hương	02-Aug-03	51801198	7	7A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
984	Mai Lan	Hương	18-Jan-01	51801209	9	9A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
985	Đỗ Ngọc	Huyền	17-Oct-04	51801193	6	6A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
986	Phạm Thu	Huyền	10-Apr-04	51801195	6	6A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
987	Trương Thị Ngọc	Lan	27-Mar-04	51801196	6	6A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
988	Phạm Thị Thùy	Linh	10-Jan-02	51801205	8	8A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
989	Trương Thị Bích	Ngọc	22-Dec-02	51801207	8	8A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
990	Phạm Thủy	Nguyên	13-Jun-01	51801211	9	9A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
991	Phạm Trí	Nhân	02-Sep-02	51801206	8	8A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
992	Lê Thu	Phương	13-Apr-03	51801200	7	7A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
993	Đỗ Thị Thu	Thanh	12-Jul-02	51801203	8	8A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
994	Lê Phương	Thủy	03-Aug-03	51801199	7	7A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
995	Đỗ Thu	Trang	28-Jan-01	51801208	9	9A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
996	Nguyễn Thị	Tuyên	14-Jul-01	51801210	9	9A	THCS Yên Nhân	Yên Mô
997	Đinh Ngọc	Anh	01-Feb-03	51801226	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
998	Lê Hoàng	Anh	21-Jun-03	51801230	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
999	Vũ Mai	Anh	22-Aug-02	51801239	8	8A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1000	Vũ Thị Minh	Anh	01-Jul-01	51801245	9	9A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1001	Vũ Thành	Đạt	01-Jul-04	51801224	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1002	Bùi Hoàng	Diệu	18-Sep-03	51801225	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1003	Lã Phú Hoàng	Dũng	28-Jul-03	51801229	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1004	Nguyễn Đức	Dũng	28-Feb-03	51801232	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1005	Nguyễn Minh	Hoàng	05-May-04	51801215	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1006	Lê Thị Mai	Hương	24-Nov-01	51801241	9	9A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1007	Mai Thị Thu	Hương	28-Oct-01	51801242	9	9A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1008	Nguyễn Công	Khang	11-Apr-03	51801231	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1009	Ninh Nguyễn Trúc	Lam	18-Oct-04	51801217	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1010	Đoàn Phạm Ngọc	Linh	05-Feb-04	51801214	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1011	Phạm Khánh	Linh	26-May-03	51801235	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1012	Phạm Đức	Minh	16-Feb-04	51801218	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1013	Nguyễn Thị	Nga	16-Sep-04	51801216	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1014	Vũ Thị Kim	Ngân	23-Apr-03	51801236	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1015	Phùng Thị Uyên	Nhi	29-May-04	51801222	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1016	Phạm Hồng	Nhung	12-Nov-04	51801219	6	6A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1017	Vũ Thị Kim	Oanh	20-Sep-03	51801237	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1018	Phạm Đỗ Diễm	Quỳnh	13-May-01	51801244	9	9A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1019	Đỗ Thị Phương	Thảo	26-Nov-03	51801227	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1020	Bùi Thị Huyền	Trang	25-Aug-01	51801240	9	9A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1021	Nguyễn Thái	Tuấn	21-Nov-03	51801233	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1022	Nguyễn Thu	Uyên	13-Apr-02	51801238	8	8A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô
1023	Đỗ Trần Tân	Việt	02-Jun-03	51801228	7	7A	THCS Yên Thịnh	Yên Mô